SỞ Y TẾ NGHỆ AN
**BỆNH VIỆN ĐK YÊN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1044/QĐ-BVYT

*Yên Thành, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 7 – Mua sắm bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Đa khoa Yên Thành bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn thuộc dự toán mua săm: Mua sắm thuốc năm 2026-2027 tại bệnh viện đa khoa Yên Thành**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN THÀNH

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế : Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-BVYT ngày 03/11/2026 về việc bố trí nguồn vốn mua sắm bổ sung các mặt hàng thuốc Generic tại bệnh viện năm 2026 - 2027;*

*Căn cứ vào Quyết định số 1048 /QĐ-BVYT ngày 03/11/2026 về việc phê duyệt danh mục, dự toán mua sắm bổ sung các mặt hàng thuốc Generic tại bệnh viện năm 2026 -2027;*

*Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược tại Tờ trình số 66/TTr-KD ngày 09/11/2026 của khoa Dược bệnh viện về việc trình phê duyệt KHLCNT cho Gói thầu thuốc Generic tại bệnh viện thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng thuốc tại Bệnh viện đa khoa Yên Thành năm 2026-2027,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 7 – Mua sắm bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Đa khoa Yên Thành bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn thuộc Dự toán mua sắm:

Cung ứng các mặt hàng thuốc Generictại Bệnh viện đa khoa Yên Thành năm 2026-2027 với nội dung như sau:

(Chi tiết tại các Phụ lục Danh mục kèm theo)

**Điều 2.** Khoa Dược và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Dược, các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN THÀNH

**Luyện Văn Trịnh**

**Phụ lục 1**

# KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

*(Kèm theo Quyết định số 1934/QĐ-BVYT ngày 10 tháng 11 năm 2026)*

| Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu[3] | | Giá gói thầu (vnđ) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | | | |
| Bệnh viện Đa khoa Yên Thành | Gói thầu số 7 – Mua sắm bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Đa khoa Yên Thành bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn | Mua sắm bổ sung thuốc Generic năm 2026-2027 tại Bệnh viện đa khoa Yên Thành | **1.996.691.900** | Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác năm 2026-2027 của đơn vị | chào giá trực tuyến rút gọn trong nước, qua mạng | Một giai đoạn một túi hồ sơ | 20 ngày | Qúy IV năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 05 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. | Không áp dụng | Không đề xuất |
| **Tổng giá gói thầu: 1.996.691.900 đồng.** | | | | | | | | | | | | |

# PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

**(Gói thầu số 7 – Mua sắm bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Đa khoa Yên Thành bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn)**

**(Kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BVYT ngày 20/11/2026)**

| STT | Mã HH | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Đường dùng | Nồng độ /hàm lượng | Đơn vị tính | Nhóm thuốc | Dạng bào chế | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Thời gian giao hàng sớm nhất | Thời gian giao hàng muộn nhất | Địa điểm giao hàng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | C110 | không đề xuất | Doxazosin | Uống | 4mg (dạng muối hoặc không) | Viên | Nhóm 4 | Viên nén | 1.281 | 16.000 | 20.496.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 2 | C6 | không đề xuất | Acetylsalicylic acid | Uống | 100mg | Viên | Nhóm 4 | Viên | 441 | 18.000 | 7.938.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 3 | C00 | không đề xuất | Natri clorid; Kali clorid ; Magnesi clorid. 6H2O ; Acid acetic 8; Calci clorid. 2H2O. | Dung dịch thẩm phân | Mỗi lít dung dịch chứa: 161g; 5,5g; 3,7g; 8,8g; 9,7g | Can | Nhóm 4 | Dung dịch thẩm phân máu | 154.875 | 200 | 30.975.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 4 | C202 | không đề xuất | Natri clorid; Natri hydrocarbonat | Dung dịch thẩm phân | Mỗi 1000ml chứa: 30,5g; 66g | Can | Nhóm 4 | Dung dịch thẩm phân máu | 154.875 | 100 | 15.487.500 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 5 | C316 | không đề xuất | Sitagliptin | Uống | 50mg | Viên | Nhóm 4 | Viên nén bao phim | 1.050 | 20.000 | 21.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 6 | C01 | không đề xuất | Acetyl leucin | Tiêm | 500mg/5ml thể tích 5ml | ống/lọ | Nhóm 4 | Dung dịch tiêm | 12600 | 3000 | 37.800.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 7 | C52 | không đề xuất | Budesonid | Đường hô hấp | 0,5 mg/2 ml | Lọ/ống/tép | Nhóm 4 | Hỗn dịch dùng cho khí dung | 12.600 | 2000 | 25.200.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 8 | C197 | không đề xuất | Metronidazol | Tiêm | 500mg/100ml | Chai/Lọ | Nhóm 4 | Dung dịch tiêm truyền | 7.388 | 6000 | 44.328.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 9 | C109 | không đề xuất | Manitol | Tiêm truyền | 20g/100ml | Chai/Lọ | Nhóm 4 | Dung dịch tiêm truyền | 21.000 | 60 | 1.260.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 10 | B9 | không đề xuất | Albendazol | Uống | 400 mg | Viên | Nhóm 2 | Viên | 3.238 | 10.000 | 32.380.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 11 | D20 | không đề xuất | Clopidogrel | Uống | 75mg | Viên | Nhóm 3 | viên | 1.030 | 80.000 | 82.400.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 12 | D56 | không đề xuất | Trimetazidin | Uống | 20mg | Viên | Nhóm 3 | Viên nén bao phim | 600 | 55000 | 33.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 13 | D00 | không đề xuất | Rosuvastatin | Uống | 20mg | Viên | Nhóm 3 | Viên nén bao phim | 469 | 50000 | 23.450.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 14 | B23 | không đề xuất | Betahistin | Uống | 16mg | Viên | Nhóm 2 | Viên | 336 | 28.800 | 9.676.800 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 15 | C173 | không đề xuất | Lidocain hydroclorid | Tiêm | 40mg/2ml | Ống | Nhóm 4 | Dung dịch thuốc tiêm | 500 | 2000 | 1.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 16 | C243 | không đề xuất | Nicardipin | Tiêm | 10mg/10ml | Ống | Nhóm 4 | Dung dịch tiêm | 84.000 | 50 | 4.200.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 17 | C108 | không đề xuất | Diphenhydramin | Tiêm | 10mg/ml | Ống | Nhóm 4 | Dung dịch tiêm | 893 | 5000 | 4.465.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 18 | C335 | Vinterlin 5mg | Terbutalin | Đường hô hấp | 5mg/2ml | Lọ/ống | Nhóm 4 | Dung dịch khí dung | 42.000 | 2000 | 84.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 19 | C26 | không đề xuất | Amoxicilin + acid clavulanic | Tiêm | 0,5g + 0,1g | Lọ/ống | Nhóm 4 | Thuốc bột pha tiêm | 18.800 | 8000 | 150.400.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |

| STT | Mã HH | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Đường dùng | Nồng độ /hàm lượng | Đơn vị tính | Nhóm thuốc | Dạng bào chế | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Thời gian giao hàng sớm nhất | Thời gian giao hàng muộn nhất | Địa điểm giao hàng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 20 | C81 | không đề xuất | Levofloxacin | Tiêm | 5mg/1ml (chai/lọ 100ml) | Lọ/chai | Nhóm 4 | Dung dịch tiêm truyền | 14.950 | 1800 | 26.910.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 21 | B46 | không đề xuất | Ceftizoxim | Tiêm | 500 mg | Lọ/ống | Nhóm 2 | Thuốc TiêmThuốc/Tiêm truyền | 42.000 | 4000 | 168.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 22 | A14 | không đề xuất | Amiodaron (hydroclorid) | Uống | 200mg | Viên | Nhóm 1 | Viên nén | 6.750 | 1500 | 10.125.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 23 | A31 | không đề xuất | Ceftriaxon | Tiêm | 1g | Lọ/ống | Nhóm 4 | Bột pha tiêm | 5.543 | 40000 | 221.720.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 24 | A106 | không đề xuất | Salmeterol + fluticason propionat | Khí dung, dạng hít | 25mcg + 125mcg | Bình/Bình xịt | Nhóm 1 | Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương) | 210.176 | 500 | 105.088.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 25 | A01 | không đề xuất | Salmeterol + fluticason propionat | Khí dung, dạng hít | 25mcg + 250mcg | Bình/Bình xịt | Nhóm 1 | Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương) | 278.090 | 140 | 38.932.600 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 26 | B77 | không đề xuất | Gliclazid | Uống | 30mg | Viên | Nhóm 2 | Viên nén giải phóng có kiểm soát | 504 | 420000 | 211.680.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 27 | C41 | không đề xuất | Bambuterol | Uống | 10mg | Viên | Nhóm 2 | Viên nén | 1.030 | 20.000 | 20.600.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 28 | C17 | không đề xuất | Amoxicilin + acid clavulanic | Tiêm | 1g + 0,1g | Lọ/ống | Nhóm 4 | Thuốc bột pha tiêm | 25.000 | 8000 | 200.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 29 | C003 | không đề xuất | Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid | Uống | 64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g | Gói | Nhóm 4 | Bột pha dung dịch uống | 29.500 | 500 | 14.750.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 30 | B001 | không đề xuất | Tenofovir (TDF) | Uống | 300mg | Viên | Nhóm 2 | Viên nén bao phim | 1.530 | 7000 | 10.710.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 31 | C004 | không đề xuất | Losartan kali | Uống | 50mg | Viên | Nhóm 4 | Viên | 500 | 200.000 | 100.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 32 | B00 | không đề xuất | Cefoperazon; Sulbactam | Tiêm | 500mg; 500mg | Lọ | Nhóm 2 | Thuốc bột pha tiêm | 40.000 | 5.600 | 224.000.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| 33 | A00 | không đề xuất | Yếu tố VIII | Tiêm | 500IU | Hộp | Nhóm 1 | Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm | 1.840.000 | 8 | 14.720.000 | Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được dự trù | Khoa dược bệnh viện đa khoa Yên Thành |
| | | **Tổng: 33 mặt hàng** | | | | | | | | | **1.996.691.900** | | | |